

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 02-7-2020

*V/v: Kiện xin ly hôn
và nuôi con chung*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Chi.

2. Bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp kiện xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1983.**

*** Bị đơn: Anh Đan Văn H, sinh năm 1977.**

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa vắng mặt chị X đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Đan Văn H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn cả hai đã có thời gian qua lại, tìm hiểu nhau. Vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã P (nay là Ủy ban

nhân dân phường L, thành phố P), tỉnh Hà Nam vào ngày 02 tháng 6 năm 2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị X là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Đan Văn H. Anh H công nhận về điều kiện, thời gian kết hôn, thời điểm mâu thuẫn như chị X trình bày là đúng. Theo anh H, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do chị X có mối quan hệ ngoại tình nhiều lần với nhiều người. Bản thân anh và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị X không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Tuy chị X đã phản bội nhưng anh vẫn còn tình cảm và muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nuôi dạy con cái. Do đó anh H không đồng ý ly hôn với chị X

Về con chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Đan Văn H cùng thống nhất vợ chồng có hai con chung là Đan Thanh H1, sinh ngày 08/10/2002 (con trai) và Đan Đỗ Anh Đ, sinh ngày 08/10/2018 (con trai). Hiện cả hai con chung đều đang ở với chị X. Khi ly hôn chị X có nguyện vọng xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị X đang làm tại VNPT Vinaphone Hà Nam, thu nhập khoảng từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ một tháng. Nếu vợ chồng ly hôn, anh H đồng ý giao cả hai con con chung cho chị X nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X.

Con nuôi, con riêng: không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H có đơn yêu cầu giải quyết về phần công nợ của vợ chồng, cụ thể anh H yêu cầu chị X phải thanh toán cho anh toàn bộ số nợ mà anh chị đã vay bao gồm nợ gốc là 425.000.000đ (bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng), tiền lãi là 3.075.000đ (ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng là 428.075.000đ (bốn trăm hai mươi tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

* Tại phiên toà hôm nay: Chị Nguyễn Thị X đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Bị đơn anh Đan Văn H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Đan Văn H.

2/ Về con chung: Giao hai con chung là Đan Thanh H1, sinh ngày 08/10/2002 (con trai) và Đan Đỗ Anh Đ, sinh ngày 08/10/2018 (con trai) cho chị X trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X.

3/ Về tài sản chung, riêng, công nợ và công sức đóng góp: không chấp nhận yêu cầu của anh Đan Văn H.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị X phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử (HĐXX), thấy:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xét xử vắng mặt: Đối với nguyên đơn đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ khi mở phiên tòa lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Nên Tòa xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

* Về nội dung:

[3] Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị X và anh Đan Văn H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã P (nay là Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P), tỉnh Hà Nam vào ngày 02 tháng 6 năm 2001, nên đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị X, HĐXX thấy:

Sau kết hôn vợ chồng chị X và anh H đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và sinh được hai người con. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và có thời gian sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm, chia sẻ với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay là sự thật, được đôi bên thừa nhận. Thực tế cho thấy cuộc hôn nhân giữa chị X và anh H đã không còn tồn tại, anh H mặc dù xin đoàn tụ nhưng quá trình Tòa án triệu tập và tại phiên tòa, anh vẫn vắng mặt không có lý do cho thấy anh cũng không thật sự thiện chí muốn đoàn tụ trở lại. Xét thấy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị X và anh H đã trầm trọng không đạt được mục đích hôn nhân hạnh phúc, tiến bộ, đời sống chung không thể kéo dài do đó HĐXX căn cứ vào Điều 54, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị X và anh H là phù hợp với thực tế và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đan Thanh H1, sinh ngày 08/10/2002 (con trai) và Đan Đỗ Anh Đ, sinh ngày 08/10/2018 (con trai). Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị X, anh H và nguyện vọng của cháu Đan Thanh H1, HĐXX thấy: Nguyện vọng xin nuôi con chung của chị X là chính

đáng, anh H cũng đồng ý giao cả hai con chung cho chị X nuôi dưỡng, do đó HĐXX thấy rằng cần giao hai cháu Đan Thanh H1, sinh ngày 08/10/2002 (con trai) và Đan Đỗ Anh Đ, sinh ngày 08/10/2018 (con trai) cho chị X nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục là phù hợp với thực tế và pháp luật. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ chung, công sức đóng góp: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H có đơn yêu cầu giải quyết về phần công nợ của vợ chồng. Tòa án ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản, công nợ thì anh không nộp tiền tạm ứng cũng không giao nộp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu của mình, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về việc thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản, công nợ theo quy định của pháp luật. Do đó Tòa án không giải quyết yêu cầu này của anh H.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và các Điều 143; 144; 147; 227; 228; 238, 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Đan Văn H.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị X trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung là Đan Thanh H1, sinh ngày 08/10/2002 (con trai) và Đan Đỗ Anh Đ, sinh ngày 08/10/2018 (con trai) cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có.

3/ Về tài sản chung, tài sản riêng: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về công nợ và các nghĩa vụ chung, công sức đóng góp: Anh H không nộp tạm ứng án phí về phần công nợ do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị X phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chị X được đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004375 ngày 02/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị X đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị X, anh H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND phường L,
TP P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Duy